TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **39**/2017/DSST.
Ngày: 19/9/2017.
V/v: *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Thành.

2. Bà Phạm Thị N Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân – Thư ký TAND huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2017/TLST – DS ngày 02 tháng 8 năm 2017; về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2017/QĐST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Liêu Thị Quyền P, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn 7, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Ông Châu D, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn 7, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Liêu Thị Quyền P).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Hồ Thị N yêu cầu:

Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà P, ông D phải trả số tiền vay gốc là **118.000.000đ**, trả một lần dứt điểm và không yêu cầu tính lãi. Cụ thể, ngày 15/10/2016 bà P vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng và ngày 30/01/2017 âm lịch, bà N vay bà P số tiền 88.000.000đ. Hai lần vay bà P đều viết giấy vay tiền giao bà

N giữ. Sau khi vay, nhiều lần bà N yêu cầu vợ chồng bà P trả tiền vay nhưng vợ chồng bà P không thực hiện.

Bị đơn – bà Liêu Thị Quyền P trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà P công nhận có vay tiền của bà N với tổng cộng số tiền là 118.000.000đ như bà N đã trình bày. Khi vay tiền, bà P có viết giấy vay tiền cho bà N giữ, bà P công nhận chữ viết và chữ ký trong các giấy vay tiền do bà N cung cấp là của bà P. Hiện nay, bà P công nhận còn thiếu bà N số tiền vay gốc là 118.000.000 đồng và đồng ý một mình thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà N nhưng không có điều kiện trả một lần theo yêu cầu của bà N mà xin trả mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết số tiền còn thiếu.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan – ông Châu D trình bày ý kiến:

Ông D là chồng của bà P. Việc bà P vay tiền của bà N thì ông D không biết. Bà P sử dụng tiền vay vào mục đích gì ông D không rõ nên khoản nợ này là nợ riêng của bà P chứ không liên quan đến nghĩa vụ của ông D.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị N. Buộc vợ chồng bà Liêu Thị Quyền P, ông Châu D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền 118.000.000đ. Buộc vợ chồng bà P, ông D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền, nghĩa vụ liên quan - ông Châu D vắng mặt tại phiên Tòa nhưng đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bà P. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông D là phù hợp với khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Do ngày 15/10/2016 và ngày

30/01/2017 âm lịch, bà Liêu Thị Quyền P vay tiền của bà Hồ Thị N nhưng sau đó không trả tiền vay gốc nên bà N đã khởi kiện vợ chồng bà P, ông D tại Tòa án, yêu cầu phải trả tiền vay gốc. Bị đơn - bà P công nhận có vay tiền và đồng ý trả tiền đã vay cho bà N. Do đó HĐXX thấy có đủ cơ sở để xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Hồ Thị N:

Thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà N và bà P đều công nhận vào ngày 15/10/2016, bà P vay của bà N số tiền 30.000.000đ; đến ngày 30/01/2017 âm lịch, bà P tiếp tục vay của bà N số tiền 88.000.000đ; hai lần vay tiền thì bà P đều viết giấy vay tiền giao bà N giữ. Bà P công nhận chữ viết, chữ ký trong các giấy vay tiền do bà N cung cấp là của bà P. Sau nhiều lần yêu cầu trả tiền vay gốc nhưng vợ chồng bà P, ông D không thực hiện nên bà N khởi kiện vợ chồng bà P, ông D; yêu cầu trả tiền đã vay là **118.000.000 đồng**, trả dứt điểm trong một lần. Số tiền mà vợ chồng bà P còn thiếu là tài sản riêng của bà N chứ không liên quan đến quyền lợi của ai vì hiện tại bà N đang sống độc thân.

Bị đơn - bà P công nhận có vay tiền và đồng ý trả số tiền đã vay là **118.000.000 đồng** cho bà N. Tuy nhiên, bà P đề nghị được trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nhưng bà N không đồng ý. Do các bên đương sự không thống nhất được phương thức trả tiền nên Tòa án không thể hòa giải thành mà phải đưa vụ án ra xét xử công khai. Như vậy, giữa bà N với bà P đã thống nhất được với nhau về quan hệ tranh chấp, về số tiền nợ phải trả. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 BLDS 2015.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Tại phiên Tòa, bà P cho rằng số tiền còn thiếu bà N là nợ riêng của bà P vì quá trình vay tiền ông D không tham gia, không sử dụng tiền bà P vay nên bà P đồng ý một mình thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N. Thể hiện trong hồ sơ, tại bút lục số 15, ông D trình bày việc bà P vay tiền của bà N ông D không biết; bà P sử dụng tiền vay vào mục đích gì ông D không rõ nên khoản nợ này là nợ riêng của bà P chứ không liên quan đến nghĩa vụ của ông D. Trong khi đó, bà N trình bày tuy giấy vay tiền chỉ có mình bà P viết và ký nhưng thực tế việc vay tiền đã có thông qua và được sự đồng ý của ông D thì bà N mới cho vợ chồng bà P vay. Mặt khác, cũng tại phiên Tòa thì bà P công nhận vay tiền của bà N về chủ yếu để làm vốn kinh doanh trong gia đình và dùng để trả nợ lãi cho các khoản tiền khác đã vay; hiện nay bà P và ông D là vợ chồng, vẫn đang sống và làm ăn chung với nhau. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định số tiền mà bà P còn nợ của bà N là nợ chung của vợ chồng bà P, ông D chứ không phải nợ riêng của bà P. Theo đó cần buộc vợ chồng bà P, ông D phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014.

[5] Về án phí: Cần buộc vợ chồng bà P, ông D phải liên đới nộp án phí DS/ST; trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho bà N là phù hợp với quy định tại các Điều 146,

147 BLTTDS và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật TTDS;

- Các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;

- Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị N. Buộc vợ chồng bà Liêu Thị Quyền P, ông Châu D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị N số tiền **118.000.000 đồng**. Chia phần bà Liêu Thị Quyền P và ông Châu D mỗi người phải trả cho bà Hồ Thị N số tiền **59.000.000 đồng**.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau: Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm; Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm; Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

Về án phí:

- Buộc vợ chồng bà Liêu Thị Quyền P, ông Châu D phải liên đới nộp 5.900.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chia phần bà Liêu Thị Quyền P và ông Châu D mỗi người phải nộp 2.950.000 đồng án phí DSST.

- Hoàn lại cho bà Hồ Thị N số tiền 3.450.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0012062, ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/9/2017. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự……;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hạ Hải Hồ